

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY PHONG  
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2025/DS-ST

Ngày 18/6/2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG - BÌNH THUẬN

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàn Kiếm

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trương Thị Minh Lợi
- Bà Thái Thị Dung

*Thư ký phiên tòa:* Ông Hán Tấn Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Bích Dung, Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 219/2024/TLST-DS, ngày 28 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXX-DS, ngày 12 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28c/2025/QĐ-HPT ngày 30 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1950

Địa chỉ: khu phố H, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

*Bị đơn:* Bà Phạm Thị Kim L, sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn gửi đến Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn bà Trần Thị N (sau đây gọi là bà N) trình bày: Năm 2021, bà Phạm Thị Kim L (sau

đây gọi là bà L) có vay của bà số tiền gốc 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Mục đích bà L vay tiền của bà để có vốn làm ăn và xoay sở cuộc sống. Lãi suất vay do hai bên thỏa thuận là 2%/tháng, các bên không ấn định thời hạn vay. Trong quá trình vay, bà L có trả cho bà được số tiền gốc 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), còn lại số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Cho nên ngày 20 tháng 11 năm 2022 (âm lịch), giữa bà và bà L làm lại giấy vay mượn tiền với nội dung "L còn nợ cô N 70.000.000 (bảy chục triệu). tháng 3/2023 (AL) L trả dứt cho cô N" và bà L ký, ghi họ và tên. Tuy nhiên, bà L vi phạm hợp đồng không thanh toán tiền lãi và tiền gốc cho bà. Tiền cho bà L vay là tài sản riêng của bà, không có liên quan đến chồng bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà số tiền gốc 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Ngoài ra, bà không yêu cầu gì thêm.

*Bị đơn bà Phạm Thị Kim L không có mặt ở địa phương và không rõ thời điểm trở về nên vụ án không tiến hành hòa giải được.*

Tại Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật; về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 91, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N, buộc bà Phạm Thị Kim L có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị N số tiền 70.000.000 đồng

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà N yêu cầu bà L có trách nhiệm trả cho bà số tiền 70.000.000 đồng. Đây là vụ kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bà L theo đúng các quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự cũng như xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Bà N yêu cầu bà L hoàn trả cho bà số tiền 70.000.000 đồng, bà cung cấp cho Tòa án giấy nội dung: "L còn nợ cô N

70.000.000 (bảy chục triệu). tháng 3/2023 (AL) L trả dứt cho cô N”, bà L có ký và ghi họ tên vào tờ giấy. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà N buộc bà L hoàn trả cho bà N số tiền 70.000.000 đồng, ngoài ra bà N không yêu cầu gì nên không xem xét.

Bà L có nơi thường trú tại khu phố H, thị trấn L, huyện T, bà đi đâu không rõ và không thông báo cho người có quyền là bà N biết là trốn tránh thực hiện nghĩa vụ.

[4]. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bà N đã được miễn tiền tạm ứng án phí nên không hòa lại cho bà tiền tạm ứng án phí, bà L phải nộp 3.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 146, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N đối với bà Phạm Thị Kim L về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Buộc bà Phạm Thị Kim L có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị N số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng)

Từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn có nghĩa vụ trả lại của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi là 10%/năm.

Về án phí: Bà N được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm nên không hoàn lại cho bà tiền tạm ứng án phí; Bà Phạm Thị Kim L phải nộp 3.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Trần Thị N có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn bà Phạm Thị Kim L vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS ND (Tỉnh + Huyện);
- Tòa án ND Tỉnh BT;
- Các đương sự;
- THA Huyện;
- Lưu HS.

**Hồ Hoàn Kiếm**